

Số: 2638 /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày 01 tháng 12 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ghép, gộp, bổ sung trong Lĩnh vực Đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-CT ngày 08/6/2023 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 503/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 13 danh mục thủ tục hành chính ghép, gộp; 01 thủ tục hành chính bổ sung trong lĩnh vực đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (*Chi tiết tại phụ lục 01, 02 kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính trên, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

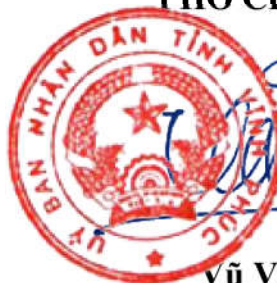
Căn cứ Quyết định này, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để áp dụng thống nhất; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận :

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Như Điều 3;
  - VNPT Vĩnh Phúc;
  - Công thông tin - GTĐT tỉnh;
  - Lưu: VT, KSTT.
- (L- 38b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Việt Văn**

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**1. Thủ tục: Cung cấp dữ liệu đất đai**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.</p>
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường công văn, fax, bưu điện, thư điện tử hoặc qua cổng thông tin đất đai.
<b>Phí, Lệ phí</b>	<p>* Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu):</p> <p>a/ Đối với việc khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu địa chính</p> <p>+ Đối với hộ gia đình cá nhân ở phường, thị trấn: 100.000 đồng/hồ sơ, tài liệu;</p> <p>+ Đối với hộ gia đình cá nhân ở các xã: 50.000 đồng/hồ sơ, tài liệu.</p> <p>b/ Đối với việc khai thác 1 phần hồ sơ tài liệu địa chính (nhưng tối đa không vượt quá 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu)</p> <p>+ Trang A4: 15.000 đồng/tờ;</p> <p>+ Trang A3: 25.000 đồng/tờ;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trích lục thửa đất: 35.000 đồng/tờ.</li> <li>+ Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai</li> <li>* Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</li> <li>+ Đối với việc cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): 30.000 đồng/trường hợp.</li> <li>+ Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm; cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản thi hành án tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền</li> <li>+ Đối tượng không phải nộp: Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên. Điều tra viên, Kiểm sát viên và thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.</li> <li>* Lệ phí: Không quy định</li> </ul>
<p><b>Căn cứ pháp lý</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Thông tư số 34/2014/TT- BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên- Môi trường về việc xây dựng, quản lý, khai thác thông tin đất đai; có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2014.</li> <li>- Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 củ Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều</li> </ul>

	<p>của nghị định số 43/2014/nđ-cp và nghị định số 44/2014/nđ-cp ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li><li>- Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</li></ul>
<b>Ghi chú</b>	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2, Mục A, phần II, Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường